



## 1113 Series Tải nặng

## BÁNH XE Ô BI CÔN 斜珠系列

- Tải trọng lớn, xoay chuyển linh hoạt, thích hợp dùng trong xưởng sản xuất xe hơi, phụ tùng và linh kiện xe hơi, xưởng sản xuất kính, xưởng may và những nơi yêu cầu tải nặng
- 超高負載且轉動靈活，適用於汽車廠、汽車裝配廠、玻璃廠、紡織廠等負載重的車間。

Tải trọng 載重  
450-2400 kg



### » Đặc điểm 特色區



Ô bi côn

Ô côn sử dụng cho càng xoay và bánh xe đều được thiết kế đặc biệt, chịu tải nặng, thích hợp sử dụng cho những nơi yêu cầu tải nặng và chống va đập, đồng thời có thể tháo lắp dễ dàng.

此斜珠軸承用於架子上，及軸承之內輪及外輪的軌道面與輪子的轉動面都經過設計，使其具有大的負荷能力，用於重負荷及衝擊負荷最適合，且拆裝容易。

### » Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh PU lõi gang  
鐵芯聚氨酯



Bánh PU lõi gang  
(Bề mặt có độ cong)  
鐵芯聚氨酯(圓弧形)



Bánh QPU  
QPU輪



Bánh VQPU  
VQPU輪



Bánh VPU  
VPU輪



Bánh VXPUP lõi gang  
鐵芯VXPUP



Bánh cao su NBR lõi gang  
鐵芯NBR橡膠輪



Ô bi côn  
斜珠軸承

### » Quy cách tấm lắp 底板規格

| Số thứ tự<br>編號 | Kích thước tấm lắp<br>底板尺寸     | Khoảng cách các lỗ lắp<br>底板孔距 | Kích thước bu lông<br>安裝尼帽尺寸 |
|-----------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| 10, 12"         | 145 x 175mm (5-7/10" x 6-7/8") | 105 x 135mm (4-1/8" x 5-1/3")  | 12mm (1/2")                  |



|  Đường kính<br>Bề rộng bánh xe<br>輪徑 x 輪寬 |  Tải trọng<br>載重 |  Vật liệu bánh xe<br>材質 |  Mã sản phẩm 型號 |                 |                     |  Ổ lăn bánh xe<br>軸承 |  Tổng chiều cao<br>總高 |  Bán kính xoay<br>迴旋半徑 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                            |                                                                                                   |                                                                                                          | Càng cố định<br>固定                                                                               | Càng xoay<br>活動 | Có Phanh/Khóa<br>剎車 |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 250mm x 62mm<br>(10" x 2-7/16")                                                                                            | 800 kgs (1760 lbs)                                                                                | Bánh PU lõi gang(Bề mặt phẳng)<br>鐵芯聚氨酯(平面)                                                              | 1113-10-33-1                                                                                     | 1113-10-33-2    | 1113-10-33-4        | Ổ bi côn<br>斜珠軸承                                                                                        | 335mm<br>(13-3/16")                                                                                      | Xoay 192mm<br>Khóa BCD 192mm<br>活動 192mm<br>BCD 192mm                                                     |
|                                                                                                                            | 800 kgs (1760 lbs)                                                                                | Bánh PU lõi gang(Bề mặt có độ cong)<br>鐵芯聚氨酯(圓弧形)                                                        | 1113-10-42-1                                                                                     | 1113-10-42-2    | 1113-10-42-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1050 kgs (2310 lbs)                                                                               | Bánh QPU(Bề mặt có độ cong)<br>QPU輪(圓弧)                                                                  | 1113-10-80-1                                                                                     | 1113-10-80-2    | 1113-10-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1050 kgs (2310 lbs)                                                                               | Bánh QPU(Bề mặt phẳng)<br>QPU輪(平面)                                                                       | 1113-10-80-1                                                                                     | 1113-10-80-2    | 1113-10-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1500 kgs (3300 lbs)                                                                               | Bánh VPU(Bề mặt có độ cong)<br>VPU輪(圓弧)                                                                  | 1113-10-82-1                                                                                     | 1113-10-82-2    | 1113-10-82-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1500 kgs (3300 lbs)                                                                               | Bánh VQPU(Bề mặt có độ cong)<br>VQPU輪(圓弧)                                                                | 1113-10-83-1                                                                                     | 1113-10-83-2    | 1113-10-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1500 kgs (3300 lbs)                                                                               | Bánh VXPU lõi gang(Bề mặt có độ cong)<br>鐵芯VXPU輪(圓弧)                                                     | 1113-10-91-1                                                                                     | 1113-10-91-2    | 1113-10-91-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 250mm x 63mm<br>(10" x 2-1/2")                                                                                             | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1113-10-04-1                                                                                     | 1113-10-04-2    | 1113-10-04-4        | Ổ bi côn<br>斜珠軸承                                                                                        | 386mm<br>(15-3/16")                                                                                      | Xoay 240mm<br>Khóa BCD 240mm<br>活動 240mm<br>BCD 240mm                                                     |
| 250mm x 80mm<br>(10" x 3-1/8")                                                                                             | 2000 kgs (4400 lbs)                                                                               | Bánh VPU(Bề mặt phẳng)<br>VPU輪(平面)                                                                       | 1113-10-82-1                                                                                     | 1113-10-82-2    | 1113-10-82-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 2000 kgs (4400 lbs)                                                                               | Bánh VQPU(Bề mặt phẳng)<br>VQPU輪(平面)                                                                     | 1113-10-83-1                                                                                     | 1113-10-83-2    | 1113-10-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 2000 kgs (4400 lbs)                                                                               | Bánh VXPU lõi gang(Bề mặt phẳng)<br>鐵芯VXPU輪(平面)                                                          | 1113-10-91-1                                                                                     | 1113-10-91-2    | 1113-10-91-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 254mm x 71mm<br>(10" x 2-13/16")                                                                                           | 450 kgs (990 lbs)                                                                                 | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1113-10-04-1                                                                                     | 1113-10-04-2    | 1113-10-04-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 300mm x 76mm<br>(12" x 3")                                                                                                 | 550 kgs (1210 lbs)                                                                                | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1113-12-04-1                                                                                     | 1113-12-04-2    | 1113-12-04-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 300mm x 90mm<br>(12" x 3-9/16")                                                                                            | 1800 kgs (3960 lbs)                                                                               | Bánh VQPU(Bề mặt có độ cong)<br>VQPU輪(圓弧)                                                                | 1113-12-83-1                                                                                     | 1113-12-83-2    | 1113-12-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 2400 kgs (5280 lbs)                                                                               | Bánh VQPU(Bề mặt phẳng)<br>VQPU輪(平面)                                                                     | 1113-12-83-1                                                                                     | 1113-12-83-2    | 1113-12-83-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1800 kgs (3960 lbs)                                                                               | Bánh VXPU lõi gang (Bề mặt có độ cong)<br>鐵芯VXPU輪(圓弧)                                                    | 1113-12-91-1                                                                                     | 1113-12-91-2    | 1113-12-91-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 2400 kgs (5280 lbs)                                                                               | Bánh VXPU lõi gang (Bề mặt phẳng)<br>鐵芯VXPU輪(平面)                                                         | 1113-12-91-1                                                                                     | 1113-12-91-2    | 1113-12-91-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 304mm x 105mm<br>(12" x 4-1/8")                                                                                            | 600 kgs (1320 lbs)                                                                                | Bánh cao su NBR lõi gang<br>鐵芯NBR橡膠輪                                                                     | 1113-12-04-1                                                                                     | 1113-12-04-2    | 1113-12-04-4        | Ổ bi côn<br>斜珠軸承                                                                                        | 386mm<br>(15-3/16")                                                                                      | Xoay 240mm<br>Khóa BCD 240mm<br>活動 240mm<br>BCD 240mm                                                     |
| 305mm x 70mm<br>(12" x 2-3/4")                                                                                             | 1800 kgs (3960 lbs)                                                                               | Bánh PU lõi gang(Bề mặt phẳng)<br>鐵芯聚氨酯(平面)                                                              | 1113-12-33-1                                                                                     | 1113-12-33-2    | 1113-12-33-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 1800 kgs (3960 lbs)                                                                               | Bánh QPU (Bề mặt phẳng)<br>QPU輪(平面)                                                                      | 1113-12-80-1                                                                                     | 1113-12-80-2    | 1113-12-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
| 305mm x 95mm<br>(12" x 3-3/4")                                                                                             | 2400 kgs (5280 lbs)                                                                               | Bánh PU lõi gang (Bề mặt phẳng)<br>鐵芯聚氨酯(平面)                                                             | 1113-12-33-1                                                                                     | 1113-12-33-2    | 1113-12-33-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |
|                                                                                                                            | 2400 kgs (5280 lbs)                                                                               | Bánh QPU (Bề mặt phẳng)<br>QPU輪(平面)                                                                      | 1113-12-80-1                                                                                     | 1113-12-80-2    | 1113-12-80-4        |                                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                                           |